

Số: 1003 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 15 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “HTKT điểm dân cư cạnh đường Lê Duẩn, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 569/TTr-TNMT ngày 12/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “HTKT điểm dân cư cạnh đường Lê Duẩn, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang” (sau đây gọi là dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Bắc Giang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả, các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

¹ Thành lập theo Quyết định số 800/QĐ-TNMT ngày 21/8/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND thành phố Bắc Giang; UBND phường Dĩnh Kế và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Ban QLDA ĐTXD thành phố Bắc Giang (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, MT.ViệtAnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
“HTKT ĐIỂM DÂN CƯ CẠNH ĐƯỜNG LÊ DUẨN, PHƯỜNG DĨNH KẾ,
THÀNH PHỐ BẮC GIANG”

*(Kèm theo Quyết định số 1003 /QĐ-UBND ngày 15 /9/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: HTKT điểm dân cư cạnh đường Lê Duẩn, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Địa điểm thực hiện: phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang

- Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Bắc Giang.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Quy mô dự án: Xây dựng đồng bộ HTKT khu dân cư trên diện tích khoảng 1,4ha gồm các hạng mục: San nền, đường giao thông, khuôn viên cây xanh, cấp thoát nước, cấp điện, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc...

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: San nền, đường giao thông, khuôn viên cây xanh, cấp thoát nước, cấp điện, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc...

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên với diện tích khoảng 13.000m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Việc chiếm dụng đất: Dự án chiếm 1,4 ha đất, trong đó: đất lúa 1,3 ha; đất ở: 0,1 ha.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng:

+ Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: Phát quang thực vật, phá dỡ các công trình nằm trên phần diện tích thực hiện dự án (tháo dỡ nhà ở; tháo dỡ, di chuyển đường điện hiện trạng);

+ Tác động do chiếm dụng đất kênh mương thủy lợi, chiếm dụng đường giao thông;

- Hoạt động trong quá trình san lấp mặt bằng, thi công xây dựng.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền; từ quá trình bốc dỡ, lưu trữ vật liệu xây dựng; từ quá trình thi công lợp cấp phối đá dăm;... Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

++ Bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu xây dựng. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, SO₂, NO₂, CO, VOCs,...

++ Bụi, khí thải từ hoạt động của máy móc thiết bị thi công trên công trường. Thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

++ Khí thải phát sinh từ quá trình hàn. Thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn,...

++ Khí thải từ quá trình tưới nhựa thấm bảm và trải thảm bê tông nhựa. Thông số ô nhiễm đặc trưng là hơi hữu cơ VOC,...

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công (từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị và từ hoạt động rửa xe,...) và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; đất đào phát sinh từ hoạt động thi công san nền và xây dựng các hạng mục công trình dự án; từ hoạt động phát quang thảm thực vật; từ hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng và chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

+ Đất bóc tầng đất mặt diện tích đất chuyên trồng lúa nước.

- Tác động do rủi ro, sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; các rủi ro, sự cố thiên tai,...

2.2. Giai đoạn vận hành

- Tác động do bụi, khí thải từ hoạt động giao thông; từ hoạt động đun nấu trong khu dân cư; khí thải, mùi phát sinh từ khu tập kết rác thải.

- Tác động do chất thải từ hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình trong khu dân cư; chất thải phát sinh từ quá trình duy tu, sửa chữa công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Tác động do chất thải nguy hại như: Dầu thải từ quá trình bảo dưỡng trạm biến áp; Bóng đèn huỳnh quang thải; Pin, ắc quy hỏng; Linh kiện điện tử hỏng; Bóng đèn Led chứa linh kiện điện tử từ hoạt động chiếu sáng trên các tuyến đường nội bộ,...

- Tác động do nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình trong khu dân cư.

- Tác động do nước mưa chảy tràn trên mặt bằng sân, mái nhà, đường giao thông của dự án kéo theo bụi bặm từ mái nhà, sân bãi, đường đi xuống hệ thống thoát nước.

- Tác động tới môi trường kinh tế - xã hội khu vực.

- Tác động do sự cố sụt lún; sự cố tai nạn giao thông; sự cố ngập úng và các rủi ro về thiên tai; sự cố hệ thống thu gom nước thải; sự cố trong quá trình thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Khí thải, nước thải

* *Nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 1,8 m³/ngày với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms,...

- Nước thải thi công bao gồm nước thải từ hoạt động rửa nguyên vật liệu, vệ sinh dụng cụ, thiết bị (cuốc, xẻng, dao xây, thước xây, xô đựng vật liệu,... không dính dầu mỡ) và từ hoạt động rửa xe,... phát sinh khoảng 1,4 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh, gây bồi lắng, tắc nghẽn cục bộ. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

* *Bụi, khí thải:*

- Bụi phát sinh từ quá trình phá dỡ các công trình hiện trạng; từ hoạt động đào đắp, san nền các hạng mục công trình; từ quá trình bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu; từ quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm, thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công và đất đá đi đổ thải; từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường. Thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

- Khí thải từ quá trình hàn, thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn.

- Khí thải phát sinh từ quá trình tưới nhựa thấm bám và trải thảm bê tông nhựa nóng mặt đường với thông số ô nhiễm đặc trưng là VOC và các hợp chất hữu cơ độc hại,...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng khoảng 9,5 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình phát quang thực vật khoảng 1,4 tấn. Thành phần chủ yếu là cây cối, thực vật,...

- Chất thải rắn thông thường từ quá trình phá dỡ công trình hiện trạng khoảng 295,15 tấn (trong đó chất thải phát sinh từ quá trình tháo dỡ nhà ở khoảng 288,4 tấn; từ tháo dỡ, di chuyển đường điện hiện trạng khoảng 6,75 tấn). Thành phần chủ yếu bê tông, vữa xi măng, gạch vỡ,...

- Đất đào thi công san nền phát sinh từ dự án khoảng 6.327,32 m³ và đất bóc tầng đất mặt diện tích đất chuyên trồng lúa nước khoảng 2.600 m³.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng như cát, đá, gạch, vữa, gỗ ván, đầu mẫu sắt thép, bao bì carton, nilon,...phát sinh khoảng 24,4 tấn trong cả quá trình thi công.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng chủ yếu là dầu

thải; giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại, bao bì cứng bằng kim loại thải, đất cát dính dầu mỡ, nhựa đường,... phát sinh khoảng 1.154,4 kg/tháng.

- Chất thải nguy hại như giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại; ắc quy, pin thải; que hàn thải; bao bì cứng thải bằng kim loại... phát sinh khoảng 15,16 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị thi công, xây dựng; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn phát sinh từ dự án, QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung phát sinh từ dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động lên kinh tế - xã hội khu vực; tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động do bom mìn tồn lưu trong đất; tác động đến hộ dân sống dọc tuyến đường vận chuyển và các khu dân cư hiện trạng, tổ chức xung quanh dự án; tác động vùng sản xuất nông nghiệp lân cận dự án; tác động đến khu dân cư hiện trạng và các tổ chức liền kề; tác động của dự án đến hệ thống kênh mương hiện trạng ...

- Tác động do rủi ro, sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; các rủi ro, sự cố thiên tai; nguy cơ lún nứt các công trình lân cận; sự cố sạt lở, sụt lún; nguy cơ xung đột giữa công nhân thi công với người dân địa phương...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng 52,5 m³/ngày đêm. Thành phần ô nhiễm đặc trưng TSS, BOD₅, Amoni, Nitrat, Phosphat, Dầu mỡ, Tổng Coliforms,...

- Nước mưa chảy trên bề mặt đường dự án sẽ rửa trôi, cuốn theo các chất bẩn như đất, bụi cát, dầu mỡ bám trên mặt đường, rác (vật liệu rơi, lá cây...) vào đường thoát nước của dự án, dẫn tới ảnh hưởng tới hệ thống thoát nước và chất lượng các dòng nước mặt trong khu vực.

3.2.2. Bụi, khí thải

- Khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào khu dân cư có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO_x, SO₂, THC,...

- Khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu trong khu dân cư có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO₂, NO₂, THC...

- Mùi từ hệ thống thu gom nước thải, khu tập kết rác thải với thông số ô nhiễm đặc trưng là NH₃, H₂S,...

- Khí thải từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

3.2.2. Chất thải rắn

* Chất thải rắn thông thường:

- Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư khoảng 350 kg/ngày.đêm. Bùn thải từ các bể tự hoại với tổng khối lượng khoảng 14m³/năm.

- Chất thải rắn từ quá trình duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật:

+ Chất thải từ quá trình cắt tỉa cành cây xanh: Sau khoảng 5 năm trồng cây sẽ tiến hành cắt tỉa cành cây vào những mùa mưa bão để hạn chế tác động do việc đổ cây, gãy cành, khối lượng phát sinh khoảng 4 tấn/năm;

+ Bùn và rác thải phát sinh từ quá trình nạo vét hố ga, rãnh tiêu thoát nước phát sinh khoảng 9 tấn/6 tháng tương đương 18 tấn/năm (định kỳ 6 tháng nạo vét hố ga, rãnh tiêu thoát nước 1 lần)

* Chất thải nguy hại phát sinh tối đa từ khu dân cư như dầu thải từ quá trình bảo dưỡng trạm biến áp; bóng đèn huỳnh quang thải; pin, ắc quy hỏng; linh kiện điện tử hỏng; bóng đèn Led chứa linh kiện điện tử từ hoạt động chiếu sáng trên các tuyến đường nội bộ,... khoảng 712,3 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh không đáng kể từ hoạt động của phương tiện giao thông; từ hoạt động kinh doanh của một số hộ gia đình,...

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội; đến an ninh trật tự, tác động từ việc chăm sóc cây xanh...

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố về bão lụt, ngập úng; sự cố hệ thống thu gom nước thải;...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải, nước thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 03 nhà vệ sinh di động với bể chứa chất thải dung tích khoảng 1.200 lít/bể đặt tại lán trại của công nhân xây dựng. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa mang đi xử lý theo quy định với tần suất khoảng 02 ngày/lần hoặc khi bể chứa đầy. Khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng, các nhà vệ sinh sẽ được tháo dỡ di chuyển đi các công trình khác.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng:

+ Nước thải từ hoạt động rửa nguyên vật liệu; vệ sinh dụng cụ, thiết bị (*cuốc, xẻng, dao xây, thước xây, xô thùng đựng vật liệu,....không dính dầu mỡ*): Bố trí khoảng 05 thùng phuy dung tích 200 lít/thùng phục vụ chứa nước thải từ hoạt động rửa nguyên vật liệu; vệ sinh dụng cụ, thiết bị, sau đó nước này được tận dụng cho công tác phối trộn vữa, bê tông,... hoặc đập bụi tại chỗ khu vực thi công, không thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe: Bố trí rãnh B300 tạm thời để thu gom nước thải lẫn dầu về bể lắng tách, xử lý dầu có dung tích 16 m³ (4mx2mx2m) đặt tại khu vực cầu rửa xe. Nước thải sau xử lý được tuần hoàn sử

dụng lại phục vụ quá trình rửa xe, không thải ra ngoài môi trường. Bể có đáy đổ bê tông; tường xây gạch chỉ trát xi măng chống thấm. Trong bể xử lý được chia làm 2 ngăn mỗi ngăn $8m^3$ ($2m \times 2m \times 2m$), trong đó:

++ Ngăn thứ nhất đổ cát thô khoảng 4/5 bể có tác dụng lọc cặn dầu, dầu nhờ tác dụng bám dính của dầu lên bề mặt cát để tách dầu, cặn dầu ra khỏi nước. Dầu mỡ được bám dính vào cát với lượng rất ít cho nên chủ đầu tư chọn phương pháp xử lý lượng dầu này bằng cách định kỳ 2 tuần/lần hút lớp cát bề mặt khoảng 5 cm để khô rồi lưu giữ và xử lý cùng chất thải nguy hại. Sau đó lại bổ sung lượng cát vừa đủ vào bể chứa thứ nhất để tiếp tục quy trình xử lý tiếp theo.

++ Ngăn thứ 2 là ngăn chứa nước đồng thời có tác dụng lắng cặn trước khi tuần hoàn sử dụng.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước tạm thời phải đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án.

+ Thiết kế rãnh thoát nước tạm thời giai đoạn thi công dự án là rãnh đất B400 - B600 tổng chiều dài khoảng 650m, trên mương rãnh có bố trí các hố ga lắng cặn 1 - $1,5m^3$ khoảng cách trung bình 20 - 30m, hướng thoát nước phù hợp theo thiết kế san nền từ Đông sang Tây và từ Nam xuống Bắc.

+ Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

+ Toàn bộ khối lượng đất được vận chuyển đến công trường và tiến hành san lấp ngay sau khi được tập kết, hạn chế không lưu chứa vật liệu san nền tại công trường thi công.

+ Thường xuyên kiểm tra rãnh thoát nước nạo vét bùn tại các hố ga với tần suất 01 lần/tháng và trước các trận mưa lớn để phòng ngừa tắc nghẽn đường cống thoát nước, tránh nguy cơ gây úng ngập.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên liệu (đất, cát, xi măng, đá...) được phủ kín thùng xe để ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường.

- Thực hiện phun nước tưới ẩm để dập bụi với tần suất tùy thuộc vào giai đoạn thi công xây dựng như sau:

+ Trong quá trình đào đắp, san nền: Thực hiện phun nước chống bụi, tần suất trung bình 4 lần/ngày và tăng tần suất lên từ 5 đến 6 lần/ngày vào các ngày nắng nóng, gió mạnh tại những khu vực phát sinh ra nhiều bụi.

+ Quá trình vận chuyển: Tưới ẩm dọc theo các tuyến đường vận chuyển vật liệu xây dựng 04 lần/ngày, tăng tần suất lên từ 5 đến 6 lần/ngày trong những ngày khô hanh, nắng nóng, chiều dài tuyến đường phun nước trong phạm vi 1km từ vị trí dự án.

+ Từ quá trình bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu: Thực hiện phun nước tưới

âm tại khu vực bốc dỡ, tập kết và khu vực xung quanh để hạn chế bụi phát sinh với tần suất trung bình khoảng 4 lần/ngày và có thể tăng lên tùy thuộc vào khối lượng vật tư tập kết.

+ Quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm: Thực hiện phun nước tưới ẩm với tần suất khoảng 5-6 lần/ngày, đặc biệt là vào những ngày thời tiết khô hanh.

- Xung quanh khu vực thi công tiến hành quây tường tôn cao từ 2m đến 3m cách ly hoàn toàn khu vực thi công với khu vực xung quanh để hạn chế tác động do bụi, khí thải đồng thời hạn chế những tai nạn đáng tiếc có thể xảy ra, đặc biệt khu vực tiếp giáp với các khu dân cư hiện trạng xung quanh khu vực dự án. Hàng rào chắc chắn, phản quang vào ban đêm và đặt cách mép đào tối thiểu 1m, khu vực thi công đảm bảo đủ ánh sáng vào ban đêm.

- Các phương tiện đi ra khỏi công trường được vệ sinh sạch sẽ, tránh đất rơi vãi hoặc dính vào bánh xe ra đường.

- Không sử dụng các phương tiện, thiết bị (xe, máy thi công quá cũ) đã quá thời gian đăng kiểm hoặc không được các trạm Đăng kiểm cấp phép do lượng khí thải vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (găng tay, nón bảo hộ, kính bảo vệ mắt, khẩu trang...) cho công nhân làm việc tại công trường và tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập đề án tổ chức thi công.

- Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Không để vảy hàn có nhiệt độ cao tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy, phải có biện pháp an toàn phòng cháy chữa cháy và phương án xử lý cháy, nổ. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp hàn.

- Đối với bụi từ quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm: Hoàn thành dứt điểm theo hình thức thi công cuốn chiếu, không ché việc lộ mặt đường cấp phối kéo dài để không gây tác động đến môi trường không khí do việc phát tán bụi vào mùa khô ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân trên công trường, các nhà dân xung quanh dự án. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp thực hiện công đoạn này như: Kính mắt, khẩu trang, mũ bảo hộ, quần áo bảo hộ,...

- Đối với khí thải từ quá trình tưới nhựa thấm bảm và thấm bê tông nhựa nóng:

+ Sử dụng công nghệ trải thảm bê tông nhựa nóng được cơ quan chuyên ngành thẩm định và phê duyệt

+ Trước khi rải lớp bê tông nhựa cần làm sạch, bằng phẳng và làm khô mặt lớp móng, tưới nhựa thấm bảm trên lớp mặt móng trước khi tiến hành rải lớp bê tông nhựa nóng.

+ Trang bị khẩu trang phòng độc, kính phòng hộ bảo vệ mắt, găng tay, mũ, quần áo bảo hộ cho công nhân.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng chứa rác có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng đặt tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom, lưu giữ chất thải, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất hàng ngày).

* Chất thải rắn thi công, xây dựng:

- Chất thải từ quá trình phát quang thực vật: Trước khi tiến hành giải phóng mặt bằng, chủ dự án phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho người dân thu hoạch toàn bộ nông sản. Toàn bộ những phần sinh khối rau màu người dân sẽ thu hoạch còn cỏ dại sẽ tự phân huỷ trong đất.

- Đối với đất bóc hữu cơ tầng đất bề mặt diện tích đất chuyên trồng lúa nước khoảng 2.600 m³: Được tận dụng để đắp vào khu vực khuôn viên cây xanh và hồ trồng cây trong khuôn viên dự án. Không vận chuyển ra ngoài phạm vi dự án.

- Đối với đất đào đất cấp 2 và đất cấp 3 bề mặt phát sinh khoảng 6.327,32 m³ được tận dụng cho san lấp mặt bằng, san nền phân lô và khu vực bãi đỗ xe, không đổ thải ra ngoài phạm vi dự án. Yêu cầu Chủ dự án/đơn vị thi công phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan đối với nội dung nêu trên trước khi tiến hành thi công trên thực địa.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Đối với các loại chất thải có thể tái chế như đầu mẩu sắt thép, bao bì carton, nilon,... khoảng 39,2 kg/ngày, hàng ngày có 1-2 công nhân thu gom tại nơi phát sinh trên công trường và bán cho các cơ sở thu mua, tái chế trên địa bàn.

+ Các chất thải còn lại là gỗ ván hỏng, bao bì xi măng,... khoảng 4,89 tấn trong cả quá trình thi công, tương đương với 15,67 kg/ngày, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển mang đi xử lý đúng quy định với tần suất dự kiến: 01 lần/tuần.

+ Các phế liệu là các chất trơ, không gây độc như gạch vỡ, đất cát dư thừa,... khoảng 23,5 kg/ngày trong cả quá trình thi công được thu gom và vận chuyển đến bãi chôn lấp chất thải rắn xây dựng tại phường Đa Mai cạnh đường bao đê Tả Lái Nghiên do Ban Quản lý dự án ĐTXD thành phố Bắc Giang quản lý vận hành.

- Thông tin bãi đỗ thải của dự án:

+ Vị trí bãi đỗ thải của dự án: Bãi chôn lấp chất thải rắn xây dựng tại phường Đa Mai cạnh đường bao đê Tả Lái Nghiên với diện tích khoảng 5ha.

+ Biện pháp giảm thiểu tác động trong quá trình đổ thải:

++ Đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển như: chờ đứng tải trọng, di chuyển đúng tốc độ cho phép, sắp xếp số lượt xe phù hợp không tập trung nhiều xe cùng một lúc, giảm tốc độ khi đi qua khu dân cư và các góc cua, bố trí người điều khiển giao thông ở cổng công trường.

++ Trong quá trình đổ phế thải tại bãi chôn lấp sẽ phát sinh bụi cuốn theo gió phát tán ra khu vực xung quanh ảnh hưởng đến chất lượng không khí, môi trường và sức khỏe của người dân. Một số biện pháp được đề xuất như: Thực hiện công tác lu lèn, đầm chặt bề mặt ngay sau khi đổ thải để hạn chế tối đa tác động của bụi do gió cuốn lên phát tán ra môi trường; Tiến hành phun nước tưới ẩm trong quá trình đổ thải với tần suất khoảng 3 đến 4 lần/ngày và tăng lên 5 đến 6 lần/ngày vào những ngày có gió, thời tiết hanh khô.

++ Tiến hành đổ thải vào đúng vị trí được quy định, không đổ thải tràn lan lấn chiếm sang khu vực lân cận ngoài ranh giới bãi chôn lấp.

++ Chủ dự án cam kết đảm bảo vệ sinh môi trường và thực hiện tất cả các biện pháp giảm thiểu trên trong suốt thời gian đổ thải.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí khu lưu giữ tạm thời CTNH, có biển báo theo quy định (container dung tích 06m³) để lưu giữ chất thải nguy hại.

- Bố trí 04 thùng phuy có dung tích 200 lít/thùng được dán nhãn tên chất thải nguy hại (CTNH), mã CTNH để thu gom, lưu chứa riêng biệt đối với từng loại CTNH. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 06 tháng/lần.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Bố trí thời gian thi công phù hợp, không thi công vào các khung giờ nghỉ trưa (12h - 13h) và ban đêm (21h - 6h) để tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt của công nhân và đời sống của người dân khu vực xung quanh.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn (chụp tai, mũ bảo hiểm,...).

- Trong quá trình thi công nền đường, chủ dự án hạn chế sử dụng máy đầm rung, lu rung để hạn chế tối đa tác động đến các công trình hiện trạng.

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Xây dựng lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm; không sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị thi công gây độ ồn, rung lớn; giữ khoảng cách giữa các thiết bị để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn, rung.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Thuê đơn vị có chức năng rà phá bom mìn trước khi tiến hành san lấp và xây dựng.

- Thành lập đội phòng cháy chữa cháy (PCCC) được lựa chọn từ các công nhân tham gia thi công lực lượng này được tổ chức học tập huấn luyện nghiệp vụ cơ bản về công tác PCCC. Việc sử dụng các thiết bị, máy thi công dùng điện phải theo đúng các quy định về an toàn điện. Từng khu vực có cầu dao riêng, khi nghỉ hoặc lúc ra về phải ngắt cầu dao. Bố trí bể chứa nước, đồng thời bố trí các

thùng phuy 100 lít đựng cát khô.

- Lắp rào chắn tại khu vực công trường thi công, có bố trí các biển báo, cảnh báo nguy hiểm tại hai đầu vào khu vực thi công.

- Bố trí người điều khiển phương tiện giao thông trong giờ cao điểm và trong giai đoạn hoạt động của các phương tiện thi công tránh xảy ra sự cố.

- Phân luồng giao thông, hạn chế tối đa sự tập trung quá đông các phương tiện giao thông cùng lúc, treo biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ trong khu vực thi công tránh các tai nạn đáng tiếc.

- Đề ra các nội quy lao động, hướng dẫn cụ thể vận hành, an toàn cho máy móc, thiết bị. Đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân vi phạm.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, các thiết bị ứng phó kịp thời với sự cố xảy ra.

- Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thường xuyên đảm bảo thiết bị luôn hoạt động tốt.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị, thông tin liên lạc, bảo hộ đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để kịp thời ứng phó với các tình huống khẩn cấp.

- Xây dựng hệ thống thoát nước tạm thời và thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì, bảo dưỡng, nạo vét đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực, đặc biệt trong mùa mưa, bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Sử dụng các máy bơm công suất lớn để bơm nước tại vị trí ngập úng thoát ra điểm quy hoạch tiếp nhận.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bố trí một cách hợp lý hệ thống cây xanh dọc theo tuyến giao thông. Đảm bảo tổng diện tích cây xanh cho toàn khu dự án. Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như giữ bụi, lọc sạch không khí, cản trở tiếng ồn phát tán.

- Toàn bộ mặt bằng sân, đường được trải nhựa hoặc bê tông hóa, vì vậy bụi và khí thải phát sinh trong quá trình lưu thông của các phương tiện giao thông không đáng kể. Ngoài biện pháp trồng cây xanh thì có thể hạn chế bằng biện pháp vệ sinh hàng ngày mặt bằng sân bãi và các tuyến đường chính, đường nội bộ trong dự án.

- Tiểu ban vệ sinh khu dân cư sẽ thường xuyên quét dọn, vệ sinh mặt đường nhằm hạn chế thấp nhất lượng bụi đất, lá cây trên mặt đường.

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh, không để chất thải rắn tồn đọng qua ngày hôm sau và các thùng chứa chất thải rắn đều có nắp đậy.

- Hạn chế tối đa các mùi gây ô nhiễm như cống phải có nắp, nghiêm cấm phóng uế và vứt rác thải bừa bãi.....

- Đơn vị tiếp quản khu dân cư định kỳ 6 tháng/lần nạo vét hố ga tiêu thoát nước thải của dự án.

4.2.1.2. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt

- Xây dựng mạng lưới thu gom nước thải riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mưa.

- Hệ thống thoát nước thải của dự án nhằm thu gom toàn bộ nước thải của các hộ dân sinh sống trong phạm vi dự án và các khu dân cư hiện trạng phía Tây. Cụ thể như sau:

- + Đối với khu dân cư phía Tây: Nước thải sinh hoạt được thu bằng hệ thống rãnh xây gạch B400 phía trên dạp nắp đan, được bố trí giữa ranh giới dự án với các khu dân cư lân cận.

- + Đối với phạm vi dự án: Nước thải sinh hoạt của các khu dân cư lân cận và của các hộ dân sinh sống trong phạm vi Dự án được thu gom thông qua đường ống HDPE D300 sau đó đầu nối về hệ thống thu gom, thoát nước thải của Khu 5, Khu 9 thuộc khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang thông qua các trạm bơm chuyển bậc đưa về trạm xử lý nước thải Tân Tiến để xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- + Hệ thống tiêu thoát nước thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, đặc biệt là hệ thống rãnh thoát, hệ thống thu gom, các hố ga lắng cặn thường xuyên được duy tu, sửa chữa bảo đảm tốt cho việc tiêu thoát nước.

* Nước mưa chảy tràn:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy. Hệ thống thoát nước mưa thiết kế riêng biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải.

- Hướng thoát nước mưa: Hướng thoát nước mưa dự án được chia thành 3 tuyến thoát nước mưa chính như sau:

- + Tuyến 01 thu gom nước mưa khu vực phía Bắc và Tây Bắc dự án thoát nước theo cống tròn D600 theo các hố ga G1, G2, G3, G4, G5, G6 chảy về hố ga chờ đầu nối ở phía Đông khu đất Dự án;

- + Tuyến 02 thu gom nước mưa khu vực phía Tây và trung tâm dự án thoát nước theo cống tròn D600 theo các hố ga G7, G8, G9, G10, G11, G12 chảy về hố ga chờ đầu nối ở phía Đông khu đất Dự án;

- + Tuyến 03 thu gom nước mưa khu vực phía Nam và Tây Nam dự án thoát theo cống tròn D600 theo các hố ga G13, G14, G14, G16, G17 đầu nối vào hố ga G10 của tuyến 02 sau đó thoát về hố ga chờ ở phía Đông khu đất Dự án.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2. 1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

* Chất thải rắn sinh hoạt

- Phương án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Dự án như sau:

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt tại các hộ gia đình: Các hộ gia đình tự bố trí thùng rác ngay nơi phát sinh (nhà ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh) để thu gom rác thải.

+ Đối với rác thải tại khu vực công cộng: Khu dân cư bố trí các thùng rác có nắp đậy đặt dọc tuyến đường nội bộ hoặc các lô cây xanh.

Người dân có trách nhiệm thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh để vào các thùng chứa. Hàng ngày xe chở rác của đơn vị vệ sinh môi trường sẽ đến thu gom rác theo giờ cố định và vận chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung của thành phố Bắc Giang.

- Đối với lượng bùn thải từ bể tự hoại của các hộ gia đình: Các hộ gia đình có trách nhiệm thuê đơn vị chức năng hút cặn, thu gom, xử lý bùn cặn từ bể tự hoại trong công trình của mình với tần suất khoảng 01 năm/lần hoặc theo thực tế phát sinh.

* Đối với chất thải rắn từ quá trình duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án:

Đơn vị được bàn giao quản lý dự án hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Tần suất thực hiện như sau:

+ Đối với bùn nạo vét hố ga và hệ thống cống rãnh tiêu thoát nước của dự án: Định kỳ 06 tháng/lần;

+ Đối với cành cây, lá,...: Đơn vị được bàn giao quản lý dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định khi phát sinh.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Đối với chất thải nguy hại từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng trạm biến áp: Đơn vị được giao quản lý vận hành dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom dầu thải máy biến áp để vận chuyển mang đi xử lý.

Đối với chất thải nguy hại từ các hộ gia đình: Được thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt đưa về khu xử lý rác thải tập trung của thành phố Bắc Giang sau đó tiến hành phân loại và thuê đơn vị có đủ năng lực vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trồng cây xanh xung quanh dự án. Cây xanh được trồng vây quanh dự án có tác dụng hấp thu tiếng ồn, chặn sự di chuyển của chất ô nhiễm từ đường giao thông bên cạnh tới dự án, đồng thời tạo cảnh quan đẹp, điều tiết vi khí hậu khu vực.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Mạng lưới cấp nước cho hệ thống phòng cháy chữa cháy của khu vực thực hiện dự án được tổ chức theo mạng lưới vòng, chung với hệ thống cấp

nước, đảm bảo cấp nước cho phòng cháy chữa cháy được tốt nhất. Hệ thống cấp nước chữa cháy của khu dự án là mạng áp lực thấp, khi có cháy xe cứu hỏa đến lấy nước tại họng cứu hỏa. Họng cấp nước cứu hỏa được bố trí nằm trên đường ống cấp nước HDPE D110. Trụ nước chữa cháy ngoài nhà được bố trí dọc theo đường giao thông khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa từ 100m đến 150m/họng, theo TCVN 2622-1995, đảm bảo bán kính phục vụ không quá 150 (m).

- Tuân thủ các phương án quy hoạch hệ thống thoát nước mưa, nước thải, đảm bảo cao độ cos nền và xây dựng hệ thống mương rãnh đảm bảo tiêu thoát nước tự nhiên khi mưa to kéo dài.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Dự phòng máy bơm nước cưỡng bức trong trường hợp ngập úng.

- Cống thoát nước mưa chảy tràn được xây dựng có nắp đậy nhằm hạn chế rác thải, lá cây rơi xuống đồng thời đội vệ sinh thường xuyên quét dọn nạo vét mương thu gom nhằm đảm bảo khả năng tiêu thoát.

- Đối với cống thoát nước thải: Đối với rãnh thu gom nước thải B400 bố trí nắp đậy BTCT, đối với tuyến ống thoát nước chính D300 bố trí hố ga thăm với khoảng cách trung bình 30m/hố ga nhằm định kỳ kiểm tra, nạo vét để đảm bảo khả năng thoát nước.

- Thực hiện phân chia làn đường, kẻ vạch đường chỉ dẫn, lắp biển báo giao thông, bật đèn đường chiếu sáng vào ban đêm.

- Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng (thuộc trách nhiệm của Chủ dự án)

5.1.1. Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thi công xây dựng;

- Các chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂

- Tần suất: 06 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hoá học tại nơi làm việc;

- + QCVN 02: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;

- + QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép về vi khí hậu tại nơi làm việc.

- + QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

5.1.2. Chất thải rắn

Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5.2. Giai đoạn hoạt động dự án (thuộc trách nhiệm của đơn vị được giao quản lý dự án)

*** Chất thải rắn**

Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công.

- Cam kết kiểm soát các nguồn thải phát sinh (bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn) đảm bảo không gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường và các đối tượng xung quanh.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án;

- Khối lượng đất đào tận dụng lại cho dự án và đất dư thừa vận chuyển đi, chủ dự án phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 569/TTr-TNMT ngày 12/9/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.